TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KINH MÔN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 228/2018/QĐST-HNGĐ	*Kinh Môn, ngày 10 tháng 8 năm 2018.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 241/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2017; thụ lý bổ sung số 241A/2017/TLST-HNGĐ ngày 12/9/2017, giữa:

**** Nguyên đơn:*** Ông Nguyễn Văn D - sinh năm 1963.

Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương.

**** Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị T - sinh năm 1965.

ĐKHKTT: Thôn V, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú hiện nay: Phòng 501, tổ 9, khu 7, khu tập thể 5 tầng, phường G, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

**** Người có quyền lợi liên quan:***

- Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn 3 xã T, huyện H, tỉnh Quảng Ninh.

- Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương.

(Chị Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị M đều ủy quyền cho bà Nguyễn Thị T tham gia tố tụng).

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, điều 59 và điều 62 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 8 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 8 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị T xác định vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị L, sinh ngày 06/8/1989; cháu Nguyễn Thị M

sinh ngày 01/4/1991 và cháu Nguyễn Thị B sinh ngày 25/6/1996. Cả 3 con chung đều đã trên 18 tuổi nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.2. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của ông bà về việc phân chia tài sản chung vợ chồng vào bản án, quyết định của Tòa án. Cụ thể:

2.2.1 Về diện tích đất thổ cư:

Ông Nguyễn Văn D tự nguyện chuyển giao quyền sử dụng đất ở và toàn bộ các tài sản bao gồm các công trình, vật kiến trúc trên đất tại thửa đất có diện tích 256m^2, thửa đất số 2758, tờ bản đồ số 07; địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương (diện tích đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U679623, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử đất số 469 ngày 11 tháng 6 năm 2002 mang tên ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị T) cho bà Nguyễn Thị T được quyền quản lý, sử dụng riêng.

2.2.2 Về diện tích đất nông nghiệp:

- Diện tích đất nông nghiệp của hộ gia đình được giao cho 4 nhân khẩu (diện tích đất nông nghiệp này đã được UBND xã T, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xác nhận) bao gồm: Ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị T cùng 02 con là Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị M. Diện tích đất nông nghiệp của hộ gia đình xác định gồm:

+ Khu đồng L có diện tích 965m^2.

+ Khu đồng B có diện tích 1.065m^2.

+ Khu đồng M Sắt có diện tích 207m^2.

- Quá trình Tòa án giải quyết vụ án 02 con chung là Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị M đã ủy quyền cho bà Nguyễn Thị T được toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt đối với phần diện tích diện tích đất nông nghiệp của con chung là L, M được nhà nước giao. Ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị T thỏa thuận:

+ Giao cho bà Nguyễn Thị T được quyền sử dụng 02 diện tích đất nông nghiệp được chia thuộc khu vực L có diện tích 965m^2 và khu vực Lò Sắt có diện tích 207m^2 *(trong đó bao gồm cả diện tích đất nông nghiệp được giao của 02 con chung là Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị M)*.

+ Giao cho ông Nguyễn Văn D được quyền sử dụng diện tích đất nông nghiệp ở khu đồng B có diện tích: 1.065m^2.

Khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì bà Nguyễn Thị T được quyền yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên đất mang tên bà Nguyễn Thị T. Phần diện tích đất nông nghiệp các bên tự thỏa thuận phân chia, các bên sẽ yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp.

2.3 Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn D tự nguyện chịu cả án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ; hoàn trả lại ông Nguyễn

Văn D số tiền tạm ứng án phí còn lại là 150.000đ (theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số AA/2016/0001148 ngày 04/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương).

- Bà Nguyễn Thị T được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu phân chia tài sản chung vợ chồng khi ly hôn đã nộp là 3.150.000đ - theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số AA/2016/0001236 ngày 12/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Trường hợp bản án (quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6;7;9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kinh Môn.*
- *UBND xã T, huyện Kinh Môn;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Chu Văn Nghĩa